

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN KHÁC VỀ ĐỊNH NGỮ TRONG TIẾNG VIỆT

A DIFFERENT APPROACH OF THE VIETNAMESE MODIFIER

NGUYỄN THỊ MINH TRANG

(TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

PHAN VĂN HÒA

(PGS.TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

## 1. Đặt vấn đề

Những vấn đề về định ngữ trong tiếng Việt đã được các nhà ngữ pháp Việt Nam nghiên cứu công phu và đạt được những thành quả quan trọng. Hoàng Trọng Phiến (1980) cho rằng: *Định ngữ là thành phần phụ trong tổ hợp câu, biểu thị tính chất, đặc trưng của hiện tượng hoặc hành vi động tác.* Tác giả phân định ngữ làm 3 loại: Định ngữ của câu, định ngữ của danh từ và định ngữ của vị từ. Theo Diệp Quang Ban (2006): *Định ngữ là thành phần phụ của danh từ, biểu thị đặc trưng của sự vật.* Dựa vào nội dung khái quát của định ngữ, tác giả chia định ngữ làm hai loại: Định ngữ chỉ lượng và định ngữ miêu tả. Nguyễn Kim Thành (1997) phân thành định ngữ của thể từ và định ngữ của danh từ. Lê Cận, Phan Thiệu, Diệp Quang Ban (1983) gọi định ngữ hiện nay là “định từ”, là thành phần phụ của từ tổ, dùng để xác định phẩm chất, tính chất của sự vật, hành vi động tác và đặc trưng ý nghĩa của chúng, có tác dụng giới hạn. Các tác giả còn phân định ngữ thành định ngữ danh từ, định ngữ động từ và định ngữ tính từ. Đặc biệt, Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2004) gọi định ngữ là “định ngữ của câu” và là thành phần phụ của câu, có thể nằm ở đầu câu hoặc giữa chủ ngữ và vị ngữ. Những từ sau đây được các tác giả cho là định ngữ của câu: *Đột nhiên Hộ này ra ý muốn lại gần Từ/Vậy thì hẳn đích thực là một con người hay lật lọng.*

Điểm lược qua một số tác giả trên, chúng ta có thể thấy định ngữ có những tính chất và

chức năng rất đa dạng, và có thể ở những cấp độ khác biệt từ cấp độ cụm từ, thành phần câu,...

Những kết quả nghiên cứu cũng như những gợi ý hàm ẩn từ những công trình nêu trên và các công trình khác về định ngữ tiếng Việt đã tạo nên bức tranh khá sống động và đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để có một tên gọi với nội hàm thống nhất, xác định rõ tính chất, chức năng cú pháp và các hướng nghĩa cũng như phân loại định ngữ. Bài báo này nhằm một phần nhỏ của những yêu cầu lớn đó.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tính chất định ngữ

Định ngữ là thành phần phụ gia đứng sau trong cụm danh từ chính phụ hoặc là thành phần đứng trước chỉ lượng “*con mèo*”, số lượng “*hai quyển sách*” trong cụm danh từ. Định ngữ có tác dụng tiến hành giới hạn hoặc miêu tả danh từ. Ví dụ: “*nhà của tôi*”, “*bài học hôm nay*”, “*chiếc ghế đá*”, “*những phẩm chất đáng quý*”. Trước định ngữ thường dùng những từ ngữ đánh dấu định ngữ như “*của, mà, ở*”; biểu thị sở thuộc thường dùng “*của*” (sách của bạn), dẫn dắt mệnh đề định ngữ (attributive clause) thường dùng quan hệ từ “*mà*” (*người đàn ông mà anh vừa gặp*) và định ngữ nơi chốn dùng “*ở*” (*những người ở quê*).

### 2.2. Thành phần câu tạo

Định ngữ tiếng Việt có thể có danh từ, đại từ, số từ/lượng từ/số lượng từ, tính từ, động

từ; từ tượng thanh; kết cấu chủ vị, kết cấu giới từ,... đảm nhận.

(i) *Danh từ làm định ngữ*: Danh từ làm định ngữ có thể dùng hoặc không dùng từ liên kết "của". Khi dùng "của" thường biểu thị sở thuộc. Ví dụ:

(1) *Lập trường của (chính phủ Gionxon) vẫn là xâm lược và mở rộng chiến tranh.* (Hồ Chí Minh)

(2) *Ông chú ruột của (Liên) giới thiệu cô vào làm giáo viên văn hóa trong đơn vị bộ đội.* (Nguyễn Minh Châu)

(ii) *Đại từ làm định ngữ*: Đại từ chỉ thị, đại từ nghi vấn thường có thể trực tiếp làm định ngữ. Ví dụ:

(3) *Giám đốc xí nghiệp (này) vốn là công nhân ở Hải Phòng.* (Nguyễn Khải)

(4) *Đồng chí (ấy) là người làng kiều, huyện kiến thành.* (Nguyễn Minh Châu)

(5) *Hồng Hoa không biết chuyên (gì) đã xảy ra.* (Nguyễn Nhật Ánh)

(6) *Phi phải thay bà một mình cáng đáng cả một lũ em (như thế).* (Nguyễn Minh Châu)

(7) *Cậu thấy mình là người (thế nào)?* (nt)

(iii) *Số từ/ lượng từ hoặc cụm số lượng từ làm định ngữ*:

- Số từ làm định ngữ: Số từ có thể trực tiếp phụ gia hạn định biểu thị người hoặc danh từ vật thể, những danh từ này thường là danh từ song âm tiết, ví dụ:

(8) *Đó là (một) thắng lợi vô cùng to lớn.* (Hồ Chí Minh)

(9) *22-6-1965 quân dân Mộc Châu và Sơn La đã bắn rơi (chín) máy bay Mỹ.* (Hồ Chí Minh)

- Lượng từ làm định ngữ:

(9) *(Con) đường bên kia suối liền hút lấy các đoàn bộ đội,...* (Nguyễn Minh Châu)

(10) *Với lại, đêm họ chỉ mua (bao) diêm hoặc (gói) thuốc là cùng.* (Thạch Lam)

(11) *Tôi sực nhớ đến (cái) bể cá và*

*(chiếc) lồng sáo của mình.* (Nguyễn Nhật Ánh)

- Cụm số lượng từ làm định ngữ. Ví dụ:

(12) *...Thành thử chỉ có (ba con) chó dữ với một thằng say rượu.* (Nam Cao)

(13) *(Các đoàn) người đi từ ngoài con suối vào đều ướt hết.* (Nam Cao)

(iv) *Tính từ (cụm tính từ) làm định ngữ*. Ví dụ:

(14) *Tới công phủ, các quần áo (ướt) đã khô.* (Ngô Tất Tố)

(15) *Thuy vốn là người (khắc khổ, vô tư).* (Nguyễn Khải)

(16) *Một đôi mắt (đen lay láy) nhìn tôi.* (Nam Cao)

Trong tiếng Việt, tính từ bất kể làm định ngữ hay vị ngữ đều đứng sau danh từ. Vậy làm thế nào để phân biệt kết cấu "danh từ + tính từ" là một kết cấu danh từ hay kết cấu chủ vị? Theo chúng tôi loại kết cấu "danh từ + tính từ" này, nếu là kết cấu danh từ thì có thể dùng hai thủ pháp sau: 1) Thêm lượng từ vào trước danh từ, tạo thành thứ tự "lượng từ + danh từ + tính từ", biểu thị chỉ xưng xác định (ví dụ: *Cô bé dễ thương*; 2) Thêm đại từ chỉ thị "ấy, này" vào sau kết cấu, tạo thành thứ tự "danh từ + tính từ + đại từ chỉ thị", biểu thị chỉ xưng xác định (ví dụ: *Cô bé dễ thương ấy*). Còn nếu loại kết cấu "danh từ + tính từ" này là kết cấu chủ vị thì thường trước hoặc sau tính từ phải thêm phó từ chỉ mức độ (*rất, vô cùng, thật...*), tạo thành thứ tự "danh từ + phó từ + tính từ" hoặc "danh từ + tính từ + phó từ", ví dụ: "*Cô bé rất dễ thương*" hoặc "*Cô bé dễ thương quá*" đều là kết cấu chủ vị.

(v) *Động từ (cụm động từ) làm định ngữ*. Ví dụ:

(17) *Ông Nghị nhắc cái điều ông (để trên chốc tù),... hút sòng sọc một hơi.* (Ngô Tất Tố)

(18) *Lúc này họ cần để ý đến những người la mắt (đèn làng).* (Nam Cao)

(vi) *Từ tượng thanh làm định ngữ*. Ví dụ:

(19) *Tiếng đòn gánh (kêu kịt) nghe rõ*

rệt. (Thạch Lam)

(20) *Sau đó một lát mới nghe từng loạt tiếng nổ (ầm ầm).* (Nguyễn Minh Châu)

(vii) *Cụm chủ vị làm định ngữ:* có thể dùng hoặc không dùng quan hệ từ "mà". Ví dụ:

(21) *Những người (mà Thùy và cả lớp học đang chờ đợi) đã đến.* (Nguyễn Minh Châu)

(22) *Cái nhà (Hoàng ở nhờ) có thể gọi là rộng rãi.* (Nam Cao)

(viii) *Cụm giới từ làm định ngữ.* Ví dụ:

(23) *Kính bắt đầu đem ra kể những mẫu chuyên (về tinh thần bộ đội của mình).* (Nguyễn Minh Châu)

(24) *Sự thất mắc (về cái xác) cứ nhiều mãi ra.* (Nguyễn Khải)

### 2.3. Phân loại định ngữ

Từ quan hệ ngữ nghĩa giữa định ngữ và trung tâm ngữ, có thể phân định ngữ thành hai loại: Định ngữ hạn định và định ngữ miêu tả.

#### 2.3.1. Định ngữ hạn định

Chủ yếu giới hạn, thuyết minh giải thích trung tâm ngữ ở các phương diện như: số lượng, thời gian, nơi chốn, phạm vi,...

+ Số lượng, ví dụ:

(25) *(Một con) đom đóm bám chặt dưới mặt lá...* (Thạch Lam)

(26) *...(có nhiều) kẻ mừng thầm, (không thiếu) kẻ mừng ra mặt.* (Nam Cao)

+ Thời gian, ví dụ:

(27) *Những cảm giác (ban ngày) lửng lơ đi trong tâm hồn Liên,...* (Thạch Lam)

(28) *Nhưng đó là chuyên (sau này).* (Nguyễn Nhật Ánh)

+ Nơi chốn, ví dụ:

(29) *Giám đốc xí nghiệp vốn là thợ đúc (ở Hải Phòng).* (Nguyễn Khải- Nguyễn Bình)

(30) *Đêm hè (ở La Sa) rất lạnh.* (Trì Lợi "Tâm già trước than", Trinh Bảo dịch)

+ Sở thuộc, ví dụ:

(31) *Nước Việt Nam là nhà (của tôi), tất*

*cả thanh niên Việt Nam là con cháu (của tôi).* (Hồ Chí Minh)

(32) *Sư sấn sóc (của bạn bè) đã làm anh tiến bộ.* (dẫn theo Nguyễn Kim Thản)

+ Phạm vi: loại định ngữ này có thể dùng hoặc không dùng quan hệ từ "mà". Ví dụ:

(33) *Phi cố nhớ những người bộ đội (mà cô đã gặp).* (Nguyễn Minh Châu)

(34) *Cái nhà (Hoàng ở nhờ) có thể gọi là rộng rãi.* (Nam Cao)

#### 2.3.2. Định ngữ miêu tả

a. *Miêu tả tính chất trạng thái.* Ví dụ:

(35) *Đó là một thắng lợi (vô cùng to lớn).* (Hồ Chí Minh)

(36) *Họ sống chen chúc trong một căn hộ (nhếch nhác).* (Nguyễn Nhật Ánh)

b. *Miêu tả tính cách (tính chất), đặc trưng của người hoặc sự vật.* Ví dụ:

(37) *Ở đó, Chí Phèo đã gặp thị Nở - một người đàn bà (xấu xí, ngán ngơ, ế chồng).* (Nam Cao)

(38) *Đó là một ngôi nhà (gạch đúc 2 tầng)* (Nguyễn Nhật Ánh)

c. *Công dụng.* Ví dụ:

(39) *...anh Khánh khuôn theo cái hộp các-tông (đựng các loại xe cộ) của anh.* (nt)

(40) *Anh dẫn tôi xuống tận kho, len lách qua các thùng (đựng kiện lực bảo, cocacola, mì sợi, bột mì)...* (Tất Phi Vũ, "Ai nói trong đêm", Trinh Bảo dịch)

d. *Ngành nghề.* Ví dụ:

(41) *Cô là nhân viên (đánh máy) ở cơ quan ba tôi.* (Nguyễn Nhật Ánh)

(42) *Lê đã trở thành một cán bộ (đại đội).* (nt)

e. *Biểu thị chất liệu.* Ví dụ:

(43) *Cạnh gốc khế là một cái giềng (đá) cũ xưa,...* (Nguyễn Nhật Ánh)

(44) *Bình mặc chiếc quần jean (nhung) màu tím sẫm.* (Nguyễn Khải)

Có thể thấy, định ngữ tiếng Việt có hai loại: định ngữ hạn định tính và định ngữ miêu tả

tính. Định ngữ hạn định thuyết minh nói rõ trung tâm ngữ ở các phương diện: số lượng, thời gian, nơi chốn, sở thuộc, phạm vi,... Còn định ngữ miêu tả thì miêu tả trung tâm ngữ ở các phương diện: tính chất, trạng thái, đặc điểm,... Tác dụng của định ngữ hạn định là ở khu biệt: Khi dùng định ngữ hạn định phụ gia một sự vật nào đó, thường còn có một sự vật khác tồn tại, nhấn mạnh là "cái này" trong sự vật chứ không phải "cái kia", vì vậy định ngữ hạn định là chỉ ra "cái nào". Tác dụng của định ngữ miêu tả là ở miêu tả: miêu tả tính chất hoặc trạng thái của người hoặc vật, loại định ngữ này nhằm vào miêu tả bản thân sự vật, làm cho nó càng sinh động, bất kể có sự tồn tại của sự vật khác hay không, vì vậy định ngữ miêu tả là chỉ ra sự vật "như thế nào".

#### 2.4. Chỉ hướng ngữ nghĩa của định ngữ

Chỉ hướng ngữ nghĩa là chỉ một thành phần nào đó trong câu có liên hệ ngữ nghĩa với thành phần nào (Lujianming, 2005:142). Về mặt ngữ nghĩa định ngữ có thể chỉ hướng nhiều thành phần cú pháp như: chỉ hướng trung tâm ngữ, chỉ hướng chủ ngữ, chỉ hướng một định ngữ khác hoặc chỉ hướng ngoài câu.

*Thứ nhất, chỉ hướng trung tâm ngữ:* Định ngữ chỉ hướng trung tâm ngữ là loại thường gặp nhất. Trong cấu trúc cú pháp, định ngữ là thành phần giới hạn phụ gia cho trung tâm ngữ; định ngữ và trung tâm ngữ là hai thành phần cấu tạo trực tiếp nằm cùng trên một tầng cấu trúc; giữa hai thành phần này vừa có quan hệ cấu trúc, vừa có quan hệ ngữ nghĩa; lúc này quan hệ định hướng ngữ nghĩa và thành phần bị phụ gia, phụ gia của bình diện cú pháp nhất quán, là một cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa tương ứng. Ví dụ:

(45) *Nước Việt Nam là gia đình* (của tôi). (Hồ Chí Minh)

(46) *Thụy vốn là người* (khắc khổ, vô tư). (Nguyễn Khải)

(47) *Mùi* (hoa sữa) *thơm hắc*. (Nguyễn

Minh Châu)

Định ngữ trong các ví dụ trên đều chỉ hướng trung tâm ngữ: định ngữ "tôi" trong câu (44) chỉ hướng trung tâm ngữ "gia đình", "khắc khổ, vô tư" trong câu (45) chỉ hướng "người" và "hoa sữa" trong câu (46) chỉ hướng "mùi".

*Thứ hai, chỉ hướng chủ ngữ:* có nghĩa là định ngữ chỉ phát sinh quan hệ ngữ nghĩa với chủ ngữ. Định ngữ và chủ ngữ nằm ở những tầng cấu trúc khác nhau trong câu nhưng có liên hệ về mặt ngữ nghĩa, loại này thường biểu thị tâm trạng, cảm nhận của chủ ngữ. Ví dụ:

(48) *Nó là một con ma* (đói), *con quý* (gian). (Nguyễn Công Hoan)

(49)...*Chưa kịp buông tay, dưới lớp đã lập tức vang lên...những tiếng reo hò* (phấn khích). (Nguyễn Nhật Ánh)

(50) *Lần đầu tiên biểu diễn có bán vé, Quý ròm không tránh khỏi cảm giác* (hồi hộp). (nt)

Định ngữ "đói, gian" của "con ma, con quý" chỉ hướng chủ ngữ "nó"; định ngữ "phấn khích" của "tiếng reo hò" chỉ hướng chủ ngữ "dưới lớp"; định ngữ "hồi hộp" của "cảm giác" chỉ hướng chủ ngữ "Quý ròm".

*Thứ ba, chỉ hướng một định ngữ khác:* Định ngữ có khi chỉ hướng sang một định ngữ khác trong câu, ví dụ:

(51) *Hay cuộc kháng chiến* (mãnh liệt) *của dân ta đã quét sạch khỏi đầu anh...*(Nam Cao)

(52) *Về lo lắng* (chân thành) *của tụi nhóc khiến Quý ròm dờ khóc dờ cười*. (Nguyễn Nhật Ánh)

(53) *Anh định đùa nhưng đôi mắt* (nghiêm khắc) *của Dít...*(Nguyễn Trung Thành)

Định ngữ "mãnh liệt" chỉ hướng định ngữ "dân ta" của "cuộc kháng chiến"; "chân thành" chỉ hướng một định ngữ khác của "về lo lắng" là "tụi nhóc"; "nghiêm khắc" chỉ hướng định ngữ "Dít" của "đôi mắt".

*Thứ tư, chỉ hướng ngoài câu:* Loại định ngữ này về mặt ngữ nghĩa hoặc là phiếm chỉ (bất kể đối với người nào, sự vật nào đều phù hợp); hoặc là dựa vào ý nghĩa, chỉ hướng một danh từ nào đó ở trước hoặc sau trong bài. Ví dụ:

(54) *Sao lại có sự sẵn đón (cảm động) như thế được? Tôi đâm ngờ...*(Nam Cao)

(55) *Đau và nhớ mệnh mang trong những hoài niệm (xót xa).* ("Xin lỗi..." Tào Đình)

(56) *Họ xây dựng nên câu chuyện tình (cảm động) đến nỗi thép cũng phải tan chảy.* (Báo Dân trí)

Định ngữ "cảm động" trong câu (10) chỉ hướng "Độ" xuất hiện trong đoạn văn trước; định ngữ "xót xa" trong câu (11) chỉ hướng "Bán" trong bài; "cảm động" trong câu (12) là phiếm chỉ.

Thông qua trên cho thấy định ngữ có thể chỉ hướng trung tâm ngữ, chỉ hướng chủ ngữ, chỉ hướng sang một định ngữ khác hoặc chỉ hướng ngoài câu. Khi định ngữ chỉ hướng trung tâm ngữ thì cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa tương ứng nhau; khi định ngữ chỉ hướng chủ ngữ, chỉ hướng một định ngữ khác hoặc chỉ hướng ngoài câu thì cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa không tương ứng nhau.

### 3. Kết luận

Ở diện hẹp định ngữ là thành phần phụ gia đứng sau trong cụm danh từ chính phụ hoặc là thành phần đứng trước chỉ số lượng trong cụm danh từ, có tác dụng giới hạn hoặc miêu tả danh từ trung tâm ngữ. Đồng thời ở diện rộng, định ngữ là thành phần cú pháp quan trọng của câu, là đơn vị cấu tạo câu. Về mặt cấu tạo, định ngữ tiếng Việt có thể do danh từ, tính từ, động từ, từ tượng thanh, kết cấu chủ vị, kết cấu giới từ cấu tạo nên. "Của, mà, ở" là dấu hiệu định ngữ của tiếng Việt. Từ quan hệ ngữ nghĩa giữa định ngữ và trung tâm ngữ có thể phân định ngữ

thành 2 loại: định ngữ hạn định và định ngữ miêu tả. Định ngữ có thể chỉ hướng danh từ trung tâm ngữ, chủ ngữ, một định ngữ khác, cũng có thể chỉ hướng thành phần ngoài câu.

**Chú thích:** Danh từ trung tâm ngữ\_\_\_\_, định ngữ ( ).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Diệp Quang Ban (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.
3. Lê Cận, Phan Thiều, Diệp Quang Ban (1983), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Kim Thân (1997), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Tài Căn (2004), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. 刘月华等. *实用现代汉语语法*[M]. 上海: 外语教学与研究出版社, 1983.
8. 陆俭明. *现代汉语语法研究教程*[M]. 北京: 北京大学出版社, 2005.
9. 朱德熙. *语法答问* [M]. 北京: 商务印书馆, 2007.
10. 朱德熙. *语法讲义*[M]. 北京: 商务印书馆, 1982.

**Abstract:** This paper focuses on clarifying some unsolved problems of Vietnamese attributes, such as the characteristics, the syntactic functions, the marking criteria; Then, the paper analyzes and suggests the attribute formation. Next, we classify attributes into limiting and describing attributes. And finally, the paper reconfirms the directions of meaning from attributes in Vietnamese.

**Key words:** modifier; characteristics; functions; classifications; meaning directions.